

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2025/HC-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền
Các Thẩm phán: Ông Đinh Ngọc Huân
Ông Phạm Việt Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký viên.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên.**

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 207/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 263/2024/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3425/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là: Đội 5, thôn Y, xã N, thành phố Hà Nội).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Vũ Thị T1, Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội.

Nay kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hà Nội.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Nay kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hà Nội.

3.2. Bà Nguyễn Thị N (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N:

- Bà Hoàng Thị N1, địa chỉ: phường H, Quận L, thành phố Hải Phòng (nay là: Phường L, thành phố Hải Phòng).

- Ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn C và ông Hoàng Văn T2; cùng địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là: Đội 5, thôn Y, xã N, thành phố Hà Nội).

4. *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị T (là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Hoàng Thị T, bà Vũ Thị T1 có mặt; các đương sự và người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Hoàng Thị T trình bày:*

Gia đình bà Hoàng Thị T là chủ sử dụng diện tích đất bị thu hồi là 36m² (đất 5%) thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 36, tại địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội có nguồn gốc được Nhà nước giao từ năm 1959 để phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống. Đến năm 1987 cấp bổ sung lần 2, nhân khẩu nào chết hay chuyển hộ khẩu đi nơi khác thì cắt, ai mới sinh thì được cấp bổ sung. Gia đình bà được cấp 6 nhân khẩu gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Mạnh H1 (có vợ là Phạm Thị L), ông Hoàng Văn C, ông Hoàng Văn T2 và bà là Hoàng Thị Tuyết. Gia đình bà đã hợp và tiến hành chia đất, không có biên bản hợp, chỉ các thành viên trong gia đình biết; phần đất của bà là 36m², bà đã sử dụng để phát triển kinh tế, không ai tranh chấp cho đến khi bị thu hồi.

Phần diện tích 36m² bà T sử dụng nêu trên, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T đã có Quyết định thu hồi đất với lý do: để thực hiện dự án khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T, thành phố Hà Nội; đồng thời, UBND huyện T cũng ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà T.

Bà T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy bỏ các quyết định: Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất. Đề nghị tuyên bố hành vi hành chính trong việc cưỡng chế của UBND huyện T là trái quy định pháp luật.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

a) Các văn bản pháp lý làm căn cứ để UBND huyện T ban hành các Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc thu hồi đất 36,0m² đất do hộ gia đình bà Hoàng Thị T đang quản lý, sử dụng trong dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T; Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T3 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố H: số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội và số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện T;

Căn cứ Quyết định số 7413/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T; Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện T về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 của UBND huyện T về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Biên bản về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất của Tổ công tác; Giấy xác nhận của UBND xã N về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi để thực hiện dự án Khu đầu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội áp dụng từ ngày 01/1/2020 đến ngày 31/12/2024;

Căn cứ Thông báo số 8369/TB-STC ngày 29/12/2021 của Sở T4 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và các tài liệu có liên quan khác.

b) Về trình tự thực hiện để ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Hoàng Thị T:

b.1. Trình tự thực hiện:

Thực hiện Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 và Thông báo số 461/TB-UBND ngày 03/8/2022 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 về việc thu hồi đất của UBND huyện T, Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan phối hợp với UBND xã N, UBMĐTQ xã N, Tổ công tác tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án theo đúng quy định.

Căn cứ quy định tại các Điều 34, 35, 36, 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định các nội dung thuộc thẩm quyền UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổ công tác đã phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đầy đủ các quy định: phối hợp với các ban, ngành đoàn thể xã triển khai họp các hộ dân thông qua kế hoạch, thông báo thu hồi đất ngày 22/6/2021; triển khai họp tuyên truyền, vận động các hộ dân phối hợp Tổ công tác điều tra, đo đạc, kiểm đếm, kê khai đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi ngày 25/10/2021; công khai và giao Quyết định kiểm đếm bắt buộc đến các hộ dân ngày 02/11/2021; tổ chức tuyên

truyền, vận động các hộ và thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc ngày 04/11/2021; công khai và giao Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 23/02/2022; tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ thực hiện Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 25/02/2022; tổ chức thực hiện các Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 28/02/2022; công khai và giao dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ gia đình, cá nhân ngày 26/4/2022; tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 04/5/2022; công khai và giao Quyết định phê duyệt kèm phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, Quyết định thu hồi đất ngày 30/9/2022; phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân ngày 19/10/2022; vận động, thuyết phục các hộ nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 15/3/2023.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H: *“Trường hợp sau khi đã được vận động, thuyết phục mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất vẫn cố tình không nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà, đất được bố trí tái định cư và không chấp hành việc bàn giao đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ công tác và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã lập biên bản lưu hồ sơ và chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả này vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để làm căn cứ giải quyết khiếu nại sau này (nếu có), đồng thời Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật đất đai”*.

b.2. Về việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 27/9/2022:

- Về đất: Bồi thường về đất 100% đơn giá mục 4 Bảng số 1 kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024: Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước và trồng cây hàng năm tại các xã đồng bằng là 135.000 đồng/m².

- Về cây trồng: Được áp dụng theo quy định tại Thông báo số 8369/TB-STC ngày 29/12/2021 của Sở T4 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022.

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Thường tiền độ bàn giao mặt bằng theo điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Như vậy: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà Hoàng Thị T đã được phê duyệt theo đúng quy định.

c) Quan điểm của UBND huyện T về việc ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định cưỡng chế thu

hồi đất đối với hộ gia đình bà Hoàng Thị T: Đã được UBND huyện T thực hiện bảo đảm đúng quy trình, trình tự, thủ tục và có đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Tuyết .

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N:

Căn cứ theo hồ sơ địa chính lưu giữ tại UBND xã N: Theo bản đồ đo đạc năm 1986, thửa đất gia đình bà T đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 342, tờ bản đồ số 01 thổ canh, diện tích 200m², không thể hiện loại đất; sổ mục kê lập theo bản đồ năm 1986 thể hiện loại đất 1L; theo bản đồ đo đạc năm 1994, thửa đất gia đình bà T sử dụng thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 36, diện tích 28m², loại đất LM.

Thửa đất tại xứ Đồng Nghè Trên có nguồn gốc là kinh tế gia đình được Hợp tác xã giao năm 1979 để sản xuất nông nghiệp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 263/2024/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính trong việc tiến hành cưỡng chế của UBND huyện T là trái quy định pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất.
- Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

5. *Kháng cáo:* Ngày 05/9/2024, người khởi kiện là bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Bà Hoàng Thị T giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

6.2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là Luật sư Vũ Thị T1 phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử lại vụ án.

6.3. Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía người bị kiện là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết, xét xử vụ án bảo đảm có căn cứ, khách quan, đúng pháp luật. Bà T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ pháp luật nào để chứng minh cho kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, tuyên bác kháng cáo của bà Hoàng Thị T và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp và của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hoàng Thị T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất và tuyên bố hành vi hành chính trong việc thực hiện quyết định cưỡng chế của UBND huyện T là trái quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là bảo đảm đúng thẩm quyền, thời hiệu theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Theo lời trình bày của bà Hoàng Thị T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T thì lý do bà T khởi kiện là: dự án không hợp pháp, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013; UBND và Chủ tịch UBND huyện T xác định không đúng loại đất thu hồi của gia đình bà, thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất không đúng trình tự, thủ tục, không đúng quy định của pháp luật.

Xét những yêu cầu và lý do khởi kiện của bà Hoàng Thị T thì thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của dự án và căn cứ thu hồi đất:

Xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 30/10/2018, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7413/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T (sau đây viết tắt là: Dự án).

Ngày 28/10/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4222/QĐ-UBND phê duyệt Dự án; trong đó thể hiện mục tiêu của Dự án là “*để đầu tư giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách, tái đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng chung của xã và của huyện*”, chủ đầu tư là UBND huyện T, đơn vị quản lý và triển khai Dự án là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T. Dự án đã được Hội đồng nhân dân thành phố H thông qua tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 (danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022); UBND thành phố H phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định Dự án đã được xây dựng bảo đảm đúng quy định của pháp luật và việc thu hồi đất để thực hiện Dự án này thuộc trường hợp để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 và Điều 63 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về việc xác định loại đất thu hồi:

Xem xét hồ sơ địa chính và ý kiến của UBND xã N thì thấy: Diện tích 36m² đất hộ gia đình bà Hoàng Thị T sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc thuộc một phần thửa đất được Hợp tác xã giao năm 1979 để sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế gia đình. Tại bản đồ đo đạc năm 1986 (tờ bản đồ số 01 thổ canh) thể hiện diện tích đất trên thuộc một phần thửa đất số 342, diện tích 200m², không thể hiện loại đất; tại sổ mục kê lập theo bản đồ năm 1986 thể hiện loại đất là 1L; tại tờ bản đồ số 36 đo đạc năm 1994 thể hiện thuộc thửa đất số 76, diện tích 28m², loại đất LM. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T trình bày bà đã cung cấp ý kiến của người làm chứng xác định diện tích đất trên của gia đình bà là đất 5%, được gia đình bà sử dụng để trồng rau. Tuy nhiên, việc xác nhận đất 5% của người làm chứng là không phù hợp với hồ sơ địa chính và hiện trạng sử dụng đất, do đó tại Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xác định tổng diện tích 36m² hộ gia đình bà Hoàng Thị T và các thừa kế của bà Nguyễn Thị N bị thu hồi là đất nông nghiệp, toàn bộ diện tích bị thu hồi có rau muống chuyên canh là hoàn toàn chính xác.

[2.3] Về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Để triển khai công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án, sau khi đã tổ chức họp các hộ dân để thông qua kế hoạch, thông báo thu hồi đất, ngày 06/10/2021 UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 441/TB-UBND về việc thu hồi đất (Thông báo này được điều chỉnh bằng Thông báo số 461/TB-UBND ngày 03/8/2022); đồng thời giao nhiệm vụ cho Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan phối hợp với UBND xã N, UBMTTQ xã N, Tổ công tác tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng Dự án theo đúng quy định. Theo đó, Tổ công tác đã tiến hành triển khai cuộc họp tuyên truyền, vận động các hộ dân phối hợp điều tra, đo đạc, kiểm đếm, kê khai đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi ngày 25/10/2021; công khai và giao Quyết định kiểm đếm bắt

buộc đến các hộ dân ngày 02/11/2021; tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ và thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc ngày 04/11/2021; công khai và giao Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 23/02/2022; tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ thực hiện Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 25/02/2022; tổ chức thực hiện các Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 28/02/2022; công khai và giao dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ gia đình, cá nhân ngày 26/4/2022; tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 04/5/2022; công khai và giao Quyết định phê duyệt kèm phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, Quyết định thu hồi đất ngày 30/9/2022; phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân ngày 19/10/2022; vận động, thuyết phục các hộ nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 15/3/2023.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc thu hồi đất và Quyết định số 4878/QĐ-UBND cùng ngày 27/9/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 66, 67, 69 của Luật Đất đai năm 2013.

Đối với các khoản bồi thường, hỗ trợ: Xem xét Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng ban hành kèm theo Quyết định số 4878/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 thì thấy UBND huyện T đã bồi thường đầy đủ các khoản bồi thường về đất, về cây trồng trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác tương ứng với mức bồi thường cụ thể đều bảo đảm đúng theo quy định tại các Điều 74, 75, 77, 84 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ); Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H và Thông báo số 8369/TB STC ngày 29/12/2021 của Sở T4.

[2.4] Về việc cưỡng chế thu hồi đất: Hồ sơ vụ án thể hiện trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án, Hội đồng GPMB đã phối hợp với UBND xã N, Ủy ban MTTQ xã N thực hiện việc vận động, thuyết phục, mời các hộ gia đình có đất thu hồi nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ nhưng hộ gia đình bà Hoàng Thị T không chấp hành quyết định thu hồi đất, không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không bàn giao mặt bằng. Do đó, ngày 15/3/2023 Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 881/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế là có căn cứ, đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 11 Thông tư 30/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T3; Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

[3] Tổng hợp những nội dung phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Quá trình triển khai thực hiện Dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T, thành phố Hà Nội, UBND và Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành các quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế đều bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính.

Bà Hoàng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng những nội dung bà T trình bày trong đơn kháng cáo cũng như lời trình bày của bà T và ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T phát biểu tại phiên tòa là không phù hợp với diễn biến khách quan của vụ việc và không phù hợp với quy định của pháp luật; ngoài ra, bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bà T có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của bà Hoàng Thị T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 263/2024/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Hoàng Thị T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (nay là: Thi hành án dân sự thành phố H) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0076260 ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20 tháng 9 năm 2025).

Nơi nhận:

- Vụ GĐT về hành chính TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền